

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 TP.ĐÀ NẴNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1990, CCCD số: 017190008479; Địa chỉ thường trú: Tổ A, phường H, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ tạm trú: Thôn A (xã H cũ), phường H, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Phạm T, sinh năm: 1968, CCCD số: 048068006168; Địa chỉ: Tổ F, H (xã H cũ), phường L, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1990, CCCD số: 017190008479; Địa chỉ thường trú: Tổ A, phường H, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ tạm trú: Thôn A (xã H cũ), phường H, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Phạm T, sinh năm: 1968, CCCD số: 048068006168; Địa chỉ: Tổ F, H (xã H cũ), phường L, thành phố Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị D và ông Phạm T thống nhất đề nghị Tòa án cho ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị D và ông Phạm T xác định có 01 con chung là Phạm Kiều Thanh N, sinh ngày 28/7/2025. Bà Phan Thị D và ông Phạm T thống nhất thỏa thuận: Giao con chung là Phạm Kiều Thanh N cho bà Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 4/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày cấp dưỡng nuôi con chung là vào ngày 10 hàng tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị D và ông Phạm T xác định không có

và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) bà Phan Thị D tự nguyện chịu. Án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) bà Phan Thị D. Tổng số tiền án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phan Thị D tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001094 ngày 30/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 thành phố Đà Nẵng. Bà Phan Thị D đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- UBND xã Hòa Liên (nay là UBND phường Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Số 14/2025 ngày 20/02/2025);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Phú Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**